

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-5-2024

V/v xác định con cho cha,  
thay đổi quyền nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Đồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “tranh chấp về yêu cầu xác định con cho cha và thay đổi quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Thanh V, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Trương Quốc K, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ E, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền số 4844, quyền số 01/2024 TP/CC.SCC/HĐGD ngày 16/11/2023).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Quốc K có mặt; bị đơn ông Nguyễn Hữu T có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt vào ngày 17/4/2024. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kiều M có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt vào ngày 25/4/2024.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/3/2024; quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Thanh V và đại diện theo ủy quyền ông Trương Quốc K trình bày:**

Ông V và bà M có chung sống với nhau từ năm 2016 đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, không chung sống với nhau nữa.

Ngày 10/4/2017, bà M kết hôn với ông T và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian kết hôn với ông T, bà M có sinh cháu Nguyễn P vào ngày 27/01/2018, người đứng tên cha trong giấy khai sinh là ông Nguyễn Hữu T và người đứng tên mẹ trong giấy khai sinh là bà Nguyễn Thị Kiều M. Sau đó, bà M và ông T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 230/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng; theo đó giao con tên Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi; bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cuối năm 2021, ông V và bà M quay lại chung sống với nhau và hiện ông V và bà M đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 11/11/2022.

Tháng 01/2022, ông V nhận thấy cháu P có nhiều điểm giống ông V nên đã đưa cháu P về sinh sống cùng với ông V và bà M từ tháng 01/2022 tại ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Sau đó, ông V có đến Trung tâm C để xét nghiệm ADN. Tại Phiếu kết quả xét nghiệm ADN của Trung tâm C ngày 10/10/2023, xác định “Mẫu ADN ký hiệu Lê Thanh V và mẫu ADN ký hiệu Nguyễn P có quan hệ huyết thống cha - con, tần suất 99.99999995805%.

Nay, ông V khởi kiện ông T với yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định cháu Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 là con ruột của ông V; đồng thời ông V yêu cầu thay đổi quyền nuôi con từ ông T sang cho ông V được nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông V không tranh chấp và không cung cấp ý kiến gì khác.

- *Chứng cứ nguyên đơn ông V cung cấp gồm:* Đơn khởi kiện ngày 16/11/2023 của ông V (bản gốc); Đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/3/2024 của ông V (bản gốc); Căn cước công dân của ông V (bản sao); Giấy khai sinh của cháu Nguyễn P (bản sao); Hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng ngày 16/11/2023 (bản gốc); Phiếu kết quả xét nghiệm ADN ngày 10/10/2023 của Trung tâm C (bản gốc); Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ giao tài liệu chứng cứ ngày 16/11/2023 của ông V (bản gốc); Đơn yêu cầu hòa giải đối thoại tại Tòa án ngày 16/11/2023

của ông V (bản gốc); Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 230/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng (bản sao); Biên bản về việc chấm dứt hòa giải ngày 22/12/2023 (bản gốc); Bản tự khai ngày 16/11/2023 của ông Lê Thanh V (bản gốc); Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/4/2024 đối với ông V (bản gốc); Đơn yêu cầu không hòa giải theo Bộ luật Tố tụng dân sự ngày 17/4/2024 của ông V (bản gốc).

**\* Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu T có ý kiến:**

Tại Bản tự khai ngày 28/3/2024 và Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 17/4/2024 của ông Nguyễn Hữu T: Trước đây ông T và bà M có chung sống vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian chung sống, bà M có sinh con tên Nguyễn P vào ngày 27/01/2018. Sau đó, ông T và bà M đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 230/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng; theo đó giao con tên Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc bà M và ông V quan hệ với nhau như thế nào thì ông T không biết nhưng cháu Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên là con của ông T và bà M.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông V, ông T có ý kiến như sau:

- Ông T không đồng ý xác định cháu Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 là con của ông Lê Thanh V. Đối với chứng cứ là Phiếu kết quả xét nghiệm ADN ngày 10/10/2023 của Trung tâm C thì ông T không có ý kiến.

- Ông T không đồng ý thay đổi quyền nuôi con đối với cháu Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 vì ông T là người nuôi con theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 230/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng.

- *Chứng cứ bị đơn ông T cung cấp gồm:* Bản tự khai ngày 28/3/2024 và Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 17/4/2024 của ông T (bản gốc).

**\* Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kiều M có ý kiến:**

Trước đây, bà M và ông V có lén lút chung sống với nhau từ năm 2016 đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, không chung sống với nhau nữa. Ngày 10/4/2017, bà M và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian chung sống, bà M có sinh con tên Nguyễn P vào ngày 27/01/2018. Sau đó, bà M và ông T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 230/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng, theo đó giao con tên Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho

đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cuối năm 2021, bà M và ông V quay lại chung sống với nhau và hiện bà M và ông V đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 11/11/2022.

Tháng 01/2022, ông V nhận thấy cháu P có nhiều điểm giống ông V nên đã đưa cháu P về sinh sống cùng với bà M và ông V từ tháng 01/2022 tại ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Bà M thống nhất ý kiến và xác định cháu P là con ruột của ông V theo Phiếu kết quả xét nghiệm AND của Trung tâm C ngày 10/10/2023, xác định “Mẫu AND ký hiệu Lê Thanh V và mẫu AND ký hiệu Nguyễn P có quan hệ huyết thống cha - con, tần suất 99.99999995805%. Ngoài ra, bà M không cung cấp ý kiến gì khác.

- *Chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M cung cấp:* Căn cước công dân của bà M (bản sao); Bản tự khai ngày 31/01/2024 và Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 25/4/2024 của bà M (bản gốc).

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương phát biểu tại phiên tòa:**

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự, quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp yêu cầu xác định con cho cha và thay đổi quyền nuôi con. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông K có mặt; bị đơn ông T có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt vào ngày 17/4/2024; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt vào ngày 25/4/2024. Đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ông V khởi kiện ông T về việc tranh chấp yêu cầu xác định con cho cha và thay đổi quyền nuôi con nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp yêu cầu xác định con cho cha và thay đổi quyền nuôi con theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 101 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Ông T có nơi cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông K có mặt; bị đơn ông T có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt vào ngày 17/4/2024 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt vào ngày 25/4/2024 nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V:

[2.1] *Về yêu cầu xác định con cho cha:* Ông Vũ khởi kiện ông T với yêu cầu Tòa án giải quyết xác định cháu Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 là con ruột của ông V.

Quá trình tố tụng, ông V và bà M xác định có chung sống với nhau từ năm 2016 đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, không chung sống với nhau nữa. Ngày 10/4/2017, bà M và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian chung sống, bà M có sinh con tên Nguyễn P vào ngày 27/01/2018. Ông V thực hiện giám định AND theo Phiếu kết quả xét nghiệm AND của Trung tâm C ngày 10/10/2023 và có kết luận “Mẫu AND ký hiệu Lê Thanh V và mẫu AND ký hiệu Nguyễn P có quan hệ huyết thống cha - con, tần suất 99.99999995805%. Như vậy, có căn cứ để xác định cháu Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 là con ruột của ông V theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71, 89 và 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về yêu cầu thay đổi quyền nuôi con:*

Ngày 10/4/2017, bà M và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian chung sống, bà M có sinh con tên Nguyễn P vào ngày 27/01/2018. Sau đó, bà M và ông T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 230/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng, theo đó giao con tên Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ theo Phiếu kết quả xét nghiệm AND của Trung tâm C ngày 10/10/2023 và có kết luận “Mẫu AND ký hiệu Lê Thanh V và mẫu AND ký hiệu Nguyễn P có quan hệ huyết thống cha - con, tần suất 99.99999995805% nên có căn cứ xác định ông T và cháu P không có quan hệ là cha - con nên việc nuôi dưỡng cháu P của ông T theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 230/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng là không còn phù hợp.

Ngày 11/11/2022, ông V và bà M quay lại chung sống với nhau và hiện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Quá trình tố tụng, bà M đồng ý giao quyền nuôi con cho ông V, đây là ý kiến tự nguyện của bà M và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận ý kiến của bà M.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn P theo bản án này sẽ thay thế quyền nuôi con theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 230/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Vũ phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 68, 69, 70, 71, 84, 89, 91, 101 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh V đối với ông Nguyễn Hữu T về việc “tranh chấp về yêu cầu xác định con cho cha và thay đổi quyền nuôi con”.

1.1. Xác định cháu Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 là con ruột của ông Lê Thanh V.

1.2. Ông Lê Thanh V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 theo quy định của pháp luật.

1.3. Quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn P, sinh ngày 27/01/2018 theo Bản án này thay thế quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 230/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng.

2. Án phí sơ thẩm: Ông Lê Thanh V phải chịu 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo 02 biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0002502 ngày 26 tháng 12 năm 2023 và số 0002697 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 09/5/2024).

3.2. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Đ, huyện D;
- UBND xã L, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Đồng**